

QUỐC HỘI
Số: 13/1999/QH10

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 12 tháng 6 năm 1999

LUẬT

Doanh nghiệp

Để góp phần phát huy nội lực phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước; đẩy mạnh công cuộc đổi mới kinh tế; bảo đảm quyền tự do, bình đẳng trước pháp luật trong kinh doanh của các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế; bảo hộ quyền và lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư; tăng cường hiệu lực quản lý nhà nước đối với các hoạt động kinh doanh; Căn cứ vào Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1992; Luật này quy định về công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần, công ty hợp danh và doanh nghiệp tư nhân,

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Luật này quy định việc thành lập, tổ chức quản lý và hoạt động của các loại hình doanh nghiệp: công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần, công ty hợp danh và doanh nghiệp tư nhân.
2. Doanh nghiệp Nhà nước, doanh nghiệp của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội khi được chuyển đổi thành công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần thì được điều chỉnh theo Luật này. Trình tự và thủ tục chuyển đổi do Chính phủ quy định.

Điều 2. Áp dụng Luật Doanh nghiệp và các luật có liên quan

Việc thành lập, tổ chức quản lý và hoạt động của doanh nghiệp trên lãnh thổ Việt Nam áp dụng theo quy định của Luật này và các quy định pháp luật khác có liên quan.

Trường hợp có sự khác nhau giữa quy định của Luật này và quy định của luật chuyên ngành về cùng một vấn đề, thì áp dụng theo quy định của luật chuyên ngành.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Luật này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- "Doanh nghiệp" là tổ chức kinh tế có tên riêng, có tài sản, có trụ sở giao dịch ổn định, được đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật nhằm mục đích thực hiện các hoạt động kinh doanh.
- "Kinh doanh" là việc thực hiện một, một số hoặc tất cả các công đoạn của quá trình đầu tư, từ sản xuất đến tiêu thụ sản phẩm hoặc cung ứng dịch vụ trên thị trường nhằm mục đích sinh lợi.
- "Hồ sơ hợp lệ" là hồ sơ có đầy đủ giấy tờ theo quy định của Luật này, có nội dung được khai đúng và đủ theo quy định của pháp luật.
- "Góp vốn" là việc đưa tài sản vào công ty để trở thành chủ sở hữu hoặc các chủ sở hữu chung của công ty. Tài sản góp vốn có thể là tiền Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng, giá trị quyền sử dụng đất, giá trị quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ, bí quyết kỹ thuật, các tài sản khác ghi trong Điều lệ công ty do thành viên góp để tạo thành vốn của công ty.
- "Phần vốn góp" là tỷ lệ vốn mà chủ sở hữu hoặc chủ sở hữu chung của công ty góp vào vốn điều lệ.
- "Vốn điều lệ" là số vốn do tất cả thành viên góp và được ghi vào Điều lệ công ty.
- "Vốn pháp định" là mức vốn tối thiểu phải có theo quy định của pháp luật để thành lập doanh nghiệp.
- "Vốn có quyền biểu quyết" là phần vốn góp, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề được Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông quyết định.

9. "*Cổ tức*" là số tiền hàng năm được trích từ lợi nhuận của công ty để trả cho mỗi cổ phần.

10. "*Thành viên sáng lập*" là người tham gia thông qua Điều lệ đầu tiên của công ty. "*Cổ đông sáng lập*" là thành viên sáng lập công ty cổ phần.

11. "*Thành viên hợp danh*" là thành viên chịu trách nhiệm bằng toàn bộ tài sản của mình về các nghĩa vụ của công ty.

12. "*Người quản lý doanh nghiệp*" là chủ sở hữu doanh nghiệp tư nhân, thành viên hợp danh đối với công ty hợp danh, thành viên Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc), các chức danh quản lý quan trọng khác do Điều lệ công ty quy định đối với công ty trách nhiệm hữu hạn và công ty cổ phần.

13. "*Tổ chức lại doanh nghiệp*" là việc chia, tách, hợp nhất, sáp nhập và chuyển đổi doanh nghiệp.

14. "*Người có liên quan*" là những người có quan hệ với nhau trong các trường hợp dưới đây:

a) Doanh nghiệp mẹ và doanh nghiệp con;

b) Doanh nghiệp và người hoặc nhóm người có khả năng chi phối việc ra quyết định, hoạt động của doanh nghiệp đó thông qua các cơ quan quản lý doanh nghiệp;

c) Doanh nghiệp và người quản lý doanh nghiệp;

d) Nhóm người thỏa thuận cùng phối hợp để thu tóm phần vốn góp, cổ phần hoặc lợi ích ở công ty hoặc để chi phối việc ra quyết định của công ty;

đ) Vợ, chồng, bố, bố nuôi, mẹ, mẹ nuôi, con, con nuôi, anh chị em ruột của người quản lý doanh nghiệp, thành viên công ty, cổ đông có cổ phần chi phối.

Điều 4. Bảo đảm của Nhà nước đối với doanh nghiệp và người sở hữu doanh nghiệp

1. Nhà nước công nhận sự tồn tại lâu dài và phát triển của các loại hình doanh nghiệp được quy định trong Luật này, bảo đảm sự bình đẳng trước pháp luật của các doanh nghiệp, thừa nhận tính sinh lợi hợp pháp của hoạt động kinh doanh.

2. Nhà nước công nhận và bảo hộ quyền sở hữu tài sản, vốn đầu tư, thu nhập, các quyền và lợi ích hợp pháp khác của doanh nghiệp và chủ sở hữu doanh nghiệp.

3. Tài sản và vốn đầu tư hợp pháp của doanh nghiệp và chủ sở hữu doanh nghiệp không bị quốc hữu hóa, không bị tịch thu bằng biện pháp hành chính.

Trường hợp thật cần thiết vì lý do quốc phòng, an ninh và vì lợi ích quốc gia, Nhà nước quyết định trưng mua hoặc trưng dụng tài sản doanh nghiệp, thì chủ sở hữu hoặc các chủ sở hữu chung của doanh nghiệp được thanh toán hoặc bồi thường theo giá thị trường tại thời điểm quyết định trưng mua hoặc trưng dụng và được tạo điều kiện thuận lợi để đầu tư, kinh doanh vào lĩnh vực, địa bàn thích hợp.

Điều 5. Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, công đoàn và các tổ chức chính trị - xã hội khác trong doanh nghiệp

Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam trong doanh nghiệp hoạt động theo Hiến pháp, pháp luật và các quy định của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Tổ chức công đoàn và các tổ chức chính trị - xã hội khác trong doanh nghiệp hoạt động theo Hiến pháp và pháp luật.

Điều 6. Ngành, nghề kinh doanh

1. Theo quy định của pháp luật, doanh nghiệp được tự chủ đăng ký và thực hiện kinh doanh các ngành, nghề không thuộc đối tượng quy định tại các khoản 2, 3 và 4 Điều này.

2. Cấm kinh doanh các ngành, nghề gây phương hại đến quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội, truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức, thuần phong mỹ tục Việt Nam và sức khỏe của nhân dân. Chính phủ công bố danh mục cụ thể ngành, nghề cấm kinh doanh.

3. Đối với doanh nghiệp kinh doanh các ngành, nghề mà luật, pháp lệnh hoặc nghị định quy định phải có điều kiện, thì doanh nghiệp chỉ được kinh doanh các ngành, nghề đó khi có đủ các điều kiện theo quy định.

4. Đối với doanh nghiệp kinh doanh các ngành, nghề mà luật, pháp lệnh hoặc nghị định đòi hỏi phải có vốn pháp định hoặc chứng chỉ hành nghề, thì doanh nghiệp đó chỉ được đăng ký kinh doanh khi có đủ vốn hoặc chứng chỉ hành nghề theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Quyền của doanh nghiệp

Theo quy định của pháp luật, doanh nghiệp hoạt động theo Luật này có quyền:

1. Chiếm hữu, sử dụng, định đoạt tài sản của doanh nghiệp;
2. Chủ động lựa chọn ngành, nghề, địa bàn đầu tư, hình thức đầu tư, kể cả liên doanh, góp vốn vào doanh nghiệp khác, chủ động mở rộng quy mô và ngành, nghề kinh doanh;
3. Chủ động tìm kiếm thị trường, khách hàng và ký kết hợp đồng;
4. Lựa chọn hình thức và cách thức huy động vốn;
5. Kinh doanh xuất khẩu và nhập khẩu;
6. Tuyển, thuê và sử dụng lao động theo yêu cầu kinh doanh;
7. Tự chủ kinh doanh, chủ động áp dụng phương thức quản lý khoa học, hiện đại để nâng cao hiệu quả và khả năng cạnh tranh;
8. Từ chối và tố cáo mọi yêu cầu cung cấp các nguồn lực không được pháp luật quy định của bất kỳ cá nhân, cơ quan hay tổ chức nào, trừ những khoản tự nguyện đóng góp vì mục đích nhân đạo và công ích;
9. Các quyền khác do pháp luật quy định.

Điều 8. Nghĩa vụ của doanh nghiệp

Doanh nghiệp hoạt động theo quy định của Luật này có nghĩa vụ:

1. Hoạt động kinh doanh theo đúng các ngành, nghề đã đăng ký;
2. Lập sổ kế toán, ghi chép sổ kế toán, hóa đơn, chứng từ và lập báo cáo tài chính trung thực, chính xác;
3. Đăng ký thuế, kê khai thuế, nộp thuế và thực hiện các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật;
4. Bảo đảm chất lượng hàng hóa theo tiêu chuẩn đã đăng ký;
5. Kê khai và định kỳ báo cáo chính xác, đầy đủ các thông tin về doanh nghiệp và tình hình tài chính của doanh nghiệp với cơ quan đăng ký kinh doanh; khi phát hiện các thông tin đã kê khai hoặc báo cáo là không chính xác, không đầy đủ hoặc giả mạo, thì phải kịp thời hiệu đính lại các thông tin đó với cơ quan đăng ký kinh doanh;
6. Ưu tiên sử dụng lao động trong nước, bảo đảm quyền, lợi ích của người lao động theo quy định của pháp luật về lao động; tôn trọng quyền tổ chức công đoàn theo pháp luật về công đoàn;
7. Tuân thủ quy định của pháp luật về quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội, bảo vệ tài nguyên, môi trường, bảo vệ di tích lịch sử, văn hóa và danh lam thắng cảnh;
8. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Chương II

THÀNH LẬP VÀ ĐĂNG KÝ KINH DOANH

Điều 9. Quyền thành lập và quản lý doanh nghiệp

Tổ chức, cá nhân có quyền thành lập và quản lý doanh nghiệp, trừ những trường hợp sau đây:

1. Cơ quan nhà nước, đơn vị thuộc lực lượng vũ trang nhân dân sử dụng tài sản của Nhà nước và công quỹ để thành lập doanh nghiệp kinh doanh thu lợi riêng cho cơ quan, đơn vị mình;
2. Cán bộ, công chức theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức;
3. Sĩ quan, hạ sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân quốc phòng trong các cơ quan, đơn vị thuộc Quân đội nhân dân; sĩ quan, hạ sĩ quan chuyên nghiệp trong các cơ quan, đơn vị thuộc Công an nhân dân;
4. Cán bộ lãnh đạo, quản lý nghiệp vụ trong các doanh nghiệp nhà nước, trừ những người được cử làm đại diện để quản lý phần vốn góp của Nhà nước tại doanh nghiệp khác;
5. Người chưa thành niên; người thành niên bị hạn chế hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
6. Người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đang phải chấp hành hình phạt tù hoặc bị Tòa án tước quyền hành nghề vì phạm các tội buôn lậu, làm hàng giả, buôn bán hàng giả, kinh doanh trái phép, trốn thuế, lừa dối khách hàng và các tội khác theo quy định của pháp luật;

7.Chủ doanh nghiệp tư nhân, thành viên hợp danh của công ty hợp danh, Giám đốc(Tổng giám đốc), Chủ tịch và các thành viên Hội đồng quản trị, Hội đồng thànhviên của doanh nghiệp bị tuyên bố phá sản không được quyền thành lập doanhnghiep, không được làm người quản lý doanh nghiệp trong thời hạn từ một đến banăm, kể từ ngày doanh nghiệp bị tuyên bố phá sản, trừ các trường hợp quy địnhtại Luật Phá sản doanh nghiệp;

8.Tổ chức nước ngoài, người nước ngoài không thường trú tại Việt Nam.

Điều 10. Quyền góp vốn

1.Tổ chức, cá nhân được quyền góp vốn vào công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổphần, công ty hợp danh, trừ những trường hợp sau đây:

a)Cơ quan nhà nước, đơn vị thuộc lực lượng vũ trang nhân dân sử dụng tài sản củaNhà nước và công quỹ góp vốn vào doanh nghiệp để thu lợi riêng cho cơ quan, đơnvị mình;

b)Các đối tượng không được quyền góp vốn vào doanh nghiệp theo quy định của phápluật về cán bộ, công chức.

2.Tổ chức nước ngoài, người nước ngoài không thường trú tại Việt Nam, người ViệtNam định cư ở nước ngoài có quyền góp vốn vào công ty trách nhiệm hữu hạn, côngty cổ phần, công ty hợp danh theo quy định của Luật Khuyến khích đầu tư trong nước.

Điều 11. Hợp đồng được ký trước khi đăng ký kinh doanh

1.Hợp đồng phục vụ cho việc thành lập doanh nghiệp có thể được thành viên sánglập hoặc người đại diện theo ủy quyền của nhóm thành viên sáng lập ký kết.

2.Trường hợp doanh nghiệp được thành lập, thì doanh nghiệp là người tiếp nhậnquyền và nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng đã ký kết quy định tại khoản 1 Điềunày.

3.Trường hợp doanh nghiệp không được thành lập, thì người ký kết hợp đồng theoquy định tại khoản 1 Điều này hoàn toàn hoặc liên đới chịu trách nhiệm về việcthực hiện hợp đồng đó.

Điều 12. Trình tự thành lập doanh nghiệp và đăng ký kinh doanh

1.Người thành lập doanh nghiệp phải lập và nộp đủ hồ sơ đăng ký kinh doanh theoquy định của Luật này tại cơ quan đăng ký kinh doanh thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phốtrực thuộc Trung ương, nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính và phải chịu tráchnhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung hồ sơ đăng ký kinh doanh.

2.Cơ quan đăng ký kinh doanh không có quyền yêu cầu người thành lập doanh nghiệpnộp thêm các giấy tờ, hồ sơ khác ngoài hồ sơ quy định tại Luật này đối với từngloại hình doanh nghiệp. Cơ quan đăng ký kinh doanh chỉ chịu trách nhiệm về tínhhợp lệ của hồ sơ đăng ký kinh doanh.

3.Cơ quan đăng ký kinh doanh có trách nhiệm giải quyết việc đăng ký kinh doanhtrong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ; nếu từ chối cấp giấychnghận đăng ký kinh doanh thì phải thông báo bằng văn bản cho người thànhlập doanh nghiệp biết. Thông báo phải nêu rõ lý do và các yêu cầu sửa đổi, bổsung.

Điều 13. Hồ sơ đăng ký kinh doanh

Hồsơ đăng ký kinh doanh bao gồm:

1.Đơn đăng ký kinh doanh;

2.Điều lệ đối với công ty;

3.Danh sách thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn, danh sách thành viênhợp danh đối với công ty hợp danh, danh sách cổ đông sáng lập đối với công tycổ phần;

4.Đối với doanh nghiệp kinh doanh các ngành, nghề đòi hỏi phải có vốn pháp địnhthi phải có thêm xác nhận về vốn của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền theo quyđịnh của pháp luật.

Điều 14. Nội dung đơn đăng ký kinh doanh

1.Đơn đăng ký kinh doanh phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a)Tên doanh nghiệp;

b)Địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp;

c)Mục tiêu và ngành, nghề kinh doanh;

d)Vốn điều lệ đối với công ty, vốn đầu tư ban đầu của chủ doanh nghiệp đối vớidoanh nghiệp tư nhân;

đ)Phần vốn góp của mỗi thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn và công tyhợp danh; số cổ phần mà cổ đông sáng lập đăng ký mua, loại cổ phần, mệnh giá cổphần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại đối với công ty cổphần;

e)Họ tên, chữ ký, địa chỉ thường trú của chủ doanh nghiệp đối với doanh nghiệp tư nhân; của người đại diện theo pháp luật đối với công ty trách nhiệm hữu hạn và công ty cổ phần; của tất cả thành viên hợp danh đối với công ty hợp danh.

2.Đơn đăng ký kinh doanh được lập theo mẫu thống nhất do cơ quan đăng ký kinhdoanh quy định.

Điều 15. Nội dung Điều lệ công ty

Điều lệ công ty phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

1.Tên, địa chỉ trụ sở chính, chi nhánh, văn phòng đại diện (nếu có);

2.Mục tiêu và ngành, nghề kinh doanh;

3.Vốn điều lệ;

4.Họ tên, địa chỉ của tất cả thành viên hợp danh đối với công ty hợp danh; tên, địa chỉ của thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn; tên, địa chỉ của cổđông sáng lập đối với công ty cổ phần;

5.Phần vốn góp và giá trị vốn góp của mỗi thành viên đối với công ty trách nhiệmhữu hạn và công ty hợp danh; số cổ phần mà cổ đông sáng lập cam kết mua, loạicổ phần, mệnh giá cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loạidối với công ty cổ phần;

6.Quyền và nghĩa vụ của thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn, công tyhợp danh; của cổ đông đối với công ty cổ phần;

7.Cơ cấu tổ chức quản lý;

8.Người đại diện theo pháp luật đối với công ty trách nhiệm hữu hạn và công ty cổphần;

9.Thể thức thông qua quyết định của công ty; nguyên tắc giải quyết tranh chấp nội bộ;

10.Những trường hợp thành viên có thể yêu cầu công ty mua lại phần vốn góp đối vớicông ty trách nhiệm hữu hạn hoặc cổ phần đối với công ty cổ phần;

11.Các loại quỹ và mức giới hạn từng loại quỹ được lập tại công ty; nguyên tắcphân chia lợi nhuận, trả cổ tức, chịu lỗ trong kinh doanh;

12.Các trường hợp giải thể, trình tự giải thể và thủ tục thanh lý tài sản công ty;

13.Thể thức sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;

14.Chữ ký của tất cả thành viên hợp danh đối với công ty hợp danh; của người đạidiện theo pháp luật hoặc tất cả thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn;của người đại diện theo pháp luật hoặc tất cả cổ đông sáng lập đối với công tycổ phần.

Cácnội dung khác của Điều lệ công ty do thành viên, cổ đông thỏa thuận nhưng khôngđược trái với quy định của pháp luật.

Điều 16. Danh sách thành viên công ty trách nhiệm hữu hạn, công tyhợp danh, danh sách cổ đông sáng lập công ty cổ phần

Danh sách thành viên công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty hợp danh, danh sáchcổ đông sáng lập công ty cổ phần phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

1.Tên, địa chỉ của thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn và công ty hợpdanh; của cổ đông sáng lập đối với công ty cổ phần;

2.Phần vốn góp, giá trị vốn góp, loại tài sản, số lượng, giá trị còn lại của từngloại tài sản góp vốn, thời hạn góp vốn đối với công ty trách nhiệm hữu hạn và công ty hợp danh; số lượng cổ phần, loại cổ phần, loại tài sản, số lượng tàisản, giá trị còn lại của từng loại tài sản góp vốn cổ phần, thời hạn góp vốn cổphần đối với công ty cổ phần;

3.Họ tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật hoặc của tất cả thành viên, cổđông sáng lập đối với công ty trách nhiệm hữu hạn và công ty cổ phần; của tất cả thành viên hợp danh đối với công ty hợp danh.

Điều 17. Điều kiện cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và thờidiểm bắt đầu kinh doanh